

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Tô Thị Ngọc Phượng.

Thư ký phiên họp: ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Trần Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 33/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 119/2026/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Lê Thanh T. Sinh năm 1971; Thường trú: 21/3D Ấp I, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; Địa chỉ: 1 N, phường A, quận G (nay phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Cổ phần M; Địa chỉ: C T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thu S theo Giấy ủy quyền số 85/UQ-TCG-O.LG ngày 24/12/2025.

(Ông Lê Thanh T, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Thu S có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 13/11/2025, ông Lê Thanh T trình bày:

Vào năm 1997, do hoàn cảnh khó khăn và chưa đủ tuổi đi làm nên ông Nguyễn Văn D có mượn chứng minh nhân dân của ông T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M); Địa chỉ: C T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình làm việc tại Công ty, có tham gia bảo hiểm xã hội có mã số sổ là 0297005811. Đến năm 2017 thì ông D nghỉ việc tại Công ty M.

Đồng thời, từ tháng 02/1992 đến tháng 08/2025 ông T tham gia bảo hiểm xã hội tại Chi cục Quản lý thị trường T1, số sổ là 0298092499. Ông Lê Thanh T có liên hệ với Bảo hiểm xã hội để làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội thì phát hiện chứng minh nhân dân số 022069940 của ông T có 02 số sổ bảo hiểm xã hội, cụ thể:

Số 0298092499 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 2/1992 đến tháng 8/2025 tại Chi cục Quản lý thị trường Thành phố H. Số 0297005811 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1997 đến tháng 9/2017 tại Công ty M, nên ông T không thể thực hiện thủ tục rút bảo hiểm xã hội được, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Nay ông Lê Thanh T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Thanh T (nhưng do ông Nguyễn Văn D thực hiện) với Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Năm 1997, do hoàn cảnh khó khăn và bản thân chưa đủ tuổi đi làm nên tôi có mượn chứng minh nhân dân của ông Lê Thanh T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty M. Theo đó, tôi có ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1997 đến tháng 9/2017 mã số bảo hiểm xã hội là 0297005811. Tuy nhiên, từ 02/1992 đến 08/2025 thì ông T có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội với Chi cục Quản lý thị trường Thành phố H với mã số bảo hiểm xã hội là 0298092499. Ông T có làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội nhưng do phát hiện bị trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội nên không thể rút được. Nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa ông T (nhưng do tôi thực hiện) với Công ty M là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu thì tôi đồng ý với yêu cầu trên và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty M do bà Huỳnh Thị Thu S là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty M xác nhận ông Lê Thanh T có làm việc tại Công ty từ tháng 7/1997 đến tháng 09/2017 thì nghỉ việc. Trong khoảng thời gian trên, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tương ứng với thời gian làm việc, cụ thể số tháng đã đóng là 20 năm 03 tháng, vị trí công nhân. Do người lao động đã nghỉ việc hơn 08 năm, quá thời hạn lưu trữ hồ sơ của Công ty nên công ty không cung cấp được Hợp đồng lao động, hồ sơ cá nhân có liên quan cho Tòa án được. Việc ông T cho ông D mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty là không đúng nhân thân, không đúng quy định pháp luật. Tại thời điểm ký hợp đồng lao động với ông Lê Thanh T, Công ty không biết người thực tế lao động là ông Nguyễn Văn D. Đối với yêu cầu của ông T thì công ty không có ý kiến và đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên họp:

Ông Lê Thanh T, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Thu S có đơn xin giải

quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T, hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thanh T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết ông Lê Thanh T (nhưng do ông Nguyễn Văn D thực hiện) với Công ty Cổ phần M vô hiệu nên xác định là việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại địa chỉ Công ty là 36 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thanh T, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Thu S cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự trên.

Về pháp luật áp dụng: Ông Lê Thanh T (do ông Nguyễn Văn D thực hiện) với Công ty M ký kết hợp đồng lao động từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết việc lao động.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Lê Thanh T tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Thanh T (do ông Nguyễn Văn D thực hiện) và Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 là vô hiệu:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự và tại Công văn số

261/BHXXH-VT ngày 02/02/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở T2, Thành phố Hồ Chí Minh thì:

“Căn cứ vào dữ liệu BHXH cơ sở T đang quản lý, Công ty CP M địa chỉ C T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Lê Thanh T từ tháng 09/1997 đến tháng 09/2017 trên sổ sổ 0297005811. Quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông Lê Thanh T đã được bảo lưu từ tháng 09/1997 đến tháng 09/2017.

Ông Lê Thanh T còn có mã số 0298092499 quá trình từ tháng 02/1990 đến tháng 08/2025 tại Chi cục Quản lý thị trường Thành phố H do Văn phòng BHXH Thành phố H quản lý.

BHXXH cơ sở T2 không có ý kiến về việc vô hiệu Hợp đồng lao động mang tên Lê Thanh T.”

Ông Lê Thanh T, ông Nguyễn Văn D và đại diện Công ty M đều xác nhận hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Thanh T với Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 là do ông Nguyễn Văn D thực hiện nên có cơ sở xác định ông Lê Thanh T (do ông Nguyễn Văn D thực hiện) có giao kết hợp đồng lao động với Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017, mặc dù các đương sự không cung cấp được hợp đồng lao động.

Theo quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 thì người lao động phải trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Tuy nhiên, ông Lê Thanh T không trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 mà người ký kết là ông Nguyễn Văn D, do ông Nguyễn Văn D mượn chứng minh nhân dân có thông tin cá nhân của ông Lê Thanh T để giao kết hợp đồng và làm việc tại Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 nên nội dung của hợp đồng lao động không có tính xác thực, không tuân theo quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và không đúng chủ thể trong giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng lao động không có hiệu lực kể từ ngày giao kết theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Thanh T (do ông Nguyễn Văn D thực hiện) với Công ty M từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2017 là vô hiệu.

[3.2] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: ông Lê Thanh T chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 401 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Thanh T về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Thanh T, sinh ngày 25/10/1971, chứng minh nhân dân số 022069940 (nhưng do ông Nguyễn Văn D thực hiện) với Công ty Cổ phần M (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1997 đến tháng 9/2017, mã số bảo hiểm xã hội là 0297005811) vô hiệu.

2. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Lê Thanh T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0041075 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV9 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- Lưu hồ sơ; VP.

Tô Thị Ngọc Phượng